

Bản án số: 25/2025/HS-ST
Ngày: 01/10/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hòa

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đỗ Mạnh Dũng;
2. Bà Hoàng Thị Bình.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thuận - Thư ký TAND Khu vực 9 – Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Gia Lai tham gia phiên tòa:*
Ông Lê Xuân Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2025, tại Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2025/TLST-HS, ngày 24 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST- HS ngày 24 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2025/QĐST- HS ngày 08 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06a/2025/QĐST- HS ngày 05 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST- HS ngày 04 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2025/QĐST- HS ngày 01 tháng 8 năm 2025; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 439/TB-TA ngày 25 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2025/QĐST- HS ngày 03 tháng 9 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2025/QĐST- HS ngày 23 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

Lê Trung T; sinh ngày 12/12/1987 tại Quảng Ngãi. Số CCCD: 051087011185, địa chỉ: Thôn K, xã V, Tp ., tỉnh Kon Tum (Nay là: Thôn K, xã N, tỉnh Quảng Ngãi); nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Trung P, sinh năm 1954 và bà Đỗ Thị M, sinh năm 1954. Bị cáo có vợ là Y T1 (đã ly hôn) và có 01 người con sinh năm 2015. Tiền sự: Không. Tiền án: 4 tiền án, cụ thể:

- Ngày 08/7/2005, bị Tòa án nhân dân thị xã Kon Tum, tỉnh Kon Tum xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 tháng về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung. Ngày 10/01/2008, bị Tòa án nhân dân TP Pleiku, Gia Lai xử phạt 07 năm tù về tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung. Tổng hợp hình phạt của 02 bản án bị cáo phải chấp hành 08 năm tù (chưa được xóa án tích).

- Ngày 21/12/2017, bị Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xử phạt 24 tháng tù về tội “*Che giấu tội phạm*” quy định tại Khoản 1 Điều 313 Bộ luật Hình sự. Ngày 16/4/2018, Tòa án nhân dân cấp cao Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm

sát và xử phạt bị cáo 36 tháng tù về tội “*Che giấu tội phạm*”. Ngày 04/12/2019 chấp hành xong hình phạt (Chưa được xóa án tích).

- Ngày 30/9/2020, bị Tòa án nhân dân TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum xử phạt 13 tháng tù về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Ngày 19/11/2021, chấp hành xong hình phạt (chưa được xóa án tích).

- Ngày 24/01/2024, bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 30 tháng tù về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Ngày 06/5/2024, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, buộc bị cáo phải chấp hành 30 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”.

Tạm giữ, Tạm giam: Từ ngày 25/4/2024 đến ngày 01/8/2024 tại nhà tạm giữ Công an huyện C thì đi chấp hành án tại Trại giam Đ, tỉnh Đắk Lắk theo bản án số 185/2024/HS-PT ngày 06/5/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Có mặt

Bị hại: Anh Huỳnh Xuân T2, sinh năm 1996. Trú tại: Tổ I, phường Y, Tp., tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn T3, sinh năm 1990. Trú tại: Ấp F, xã V, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt

2. Ngân hàng TNHH MTV W (W1). Địa chỉ: Khu công nghiệp N, N, Đồng Nai

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Huỳnh Khương D, sinh năm 1987. Địa chỉ: A, phường T, tỉnh Đồng Nai. Có mặt

3. Ông Lê Khánh T4, sinh năm 1995. Trú tại: Khối phố H, phường T, B, Đồng Nai. Vắng mặt

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9), tỉnh Gia Lai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Đầu năm 2022, ông Lê Khánh T4 (sinh năm 1995 trú Khối phố H, phường T, B, Đồng Nai) mua xe ô tô Mazda CX5 biển kiểm soát 60K-056.50 và ông Lê Khánh T4 có ký hợp đồng vay vốn mua ô tô và thế chấp bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay (xe ô tô Mazda CX5 biển kiểm soát 60K-056.50) với Ngân hàng TNHH MTV W (ghi tắt là W1) có trụ sở tại Khu công nghiệp N, N, Đồng Nai vay số tiền 500.000.000 đồng. Ngày 03/5/2023, ông Lê Khánh T4 mang xe ô tô biển kiểm soát 60K-056.50 đến thế chấp tại tiệm C tại C L, phường T, quận T, Hồ Chí Minh để vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 03/5/2023 đến ngày 01/6/2023, hai bên thỏa thuận hết thời hạn vay mà ông T4 không trả tiền thì tài sản thuộc sở hữu của tiệm cầm đồ Bảo A. Sau đó đến thời hạn trả nợ, ông T4 không trả được khoản vay này nên tiệm cầm đồ Bảo A đã đăng bán chiếc xe ô tô trên cho một người đàn ông không xác định được nhân thân lai lịch với giá 280.000.000 đồng.

Tháng 9/2024, vì có nhu cầu mua xe ô tô nên Lê Trung T đã nhờ anh Lê Văn T3 (sinh năm 1990 trú Ấp F, xã A, T, Đồng Nai) tìm mua giúp T một xe ô tô. Sau đó anh T3 lên mạng và tìm được thông tin có người tên T5 (không xác định được nhân thân lai lịch) đăng bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 60K-056.50 nên anh T3 đã liên hệ với người đàn ông tên T5 hỏi về chiếc xe trên. Sau đó, T cùng anh T3 vào

thành phố Hồ Chí Minh gặp người đàn ông tên T5 để T và anh T5 trao đổi mua bán xe, quá trình mua bán xe ông T5 có nói cho T biết chiếc xe trên là của một người tên Lê Khánh T4, chiếc xe này đang thế chấp tại ngân hàng không có giấy tờ đăng ký xe ô tô bản chính mà chỉ có bản đăng ký xe ô tô photo có đóng dấu xác nhận của Ngân hàng W, vì thấy giá thành thấp, có thể làm giấy tờ giả đi cầm cố thế chấp nên Tiên đồng ý mua chiếc xe trên với giá 340.000.000 đồng (Việc T mua xe nhằm mục đích gì thì anh T3 hoàn toàn không biết). Sau khi nhận xe ô tô biển kiểm soát 60K-056.50 cùng 01 bản photo giấy đăng ký xe có đóng dấu xác nhận của ngân hàng và 01 đăng kiểm xe; T điều khiển chiếc xe ô tô trên về tỉnh Kon Tum. Sau khi về tỉnh Kon Tum, T lên mạng tìm thông tin và đặt làm giấy tờ đăng ký xe giả của xe ô tô Mazda CX5 biển kiểm soát 60K-056.50 mang tên Lê Khánh T4, 01 căn cước công dân giả mang tên Lê Khánh T4 nhưng có hình ảnh khuôn mặt của Lê Trung T với giá 3.000.000 đồng. Khoảng 01 tuần sau, T nhận được các tài liệu giả trên từ một người giao hàng (không xác định được tên, tuổi, địa chỉ).

Đến ngày 07/4/2024, vì nợ nần nhiều người, không có khả năng thanh toán và biết được anh Huỳnh Xuân T2 (sinh năm 1996 trú tại Tổ I, phường Y, P là chủ tiệm C1) có nhận cầm cố, thế chấp xe ô tô nên T nảy sinh ý định sử dụng giấy tờ đăng ký xe giả để thế chấp nhằm chiếm đoạt tiền của anh T2. Sau đó, T liên hệ với anh T2 thông qua tài khoản zalo có tên “An Nhiên” và hỏi anh T2 về việc T muốn thế chấp chiếc xe ô tô biển kiểm soát 60K-056.50, sau đó T chụp hình ảnh chiếc xe, giấy đăng ký xe giả mang tên Lê Khánh T4 và căn cước công dân mang tên Lê Khánh T4 nhưng có hình ảnh khuôn mặt của Lê Trung T và gửi zalo cho anh T2 để anh T2 tin tưởng chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của T. Vì tin tưởng nên anh T2 đồng ý cho T thế chấp chiếc ô tô trên để vay số tiền 300.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận giao xe, giấy tờ xe và giao tiền tại khu vực Thôn B, H, C. Khoảng 19 giờ 00’ ngày 07/4/2024, khi đến khu vực bãi đất trống thuộc địa phận Thôn B, H, C thì T giao xe ô tô biển kiểm soát 60K-056.50; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe giả mang tên Lê Khánh T4, đồng thời T ký vào Hợp đồng cầm cố tài sản có nội dung “Lê Khánh T4 cầm cố tài sản xe ô tô biển kiểm soát 60K-056.50 để vay số tiền 320.000.000 đồng của ông Huỳnh Xuân T2”, phía dưới hợp đồng T ký và ghi tên Lê Khánh T4. T và anh T2 thỏa thuận sáng ngày 08/4/2024 T sẽ ký hợp đồng ủy quyền cho anh T2 toàn quyền sử dụng, mua bán, tặng cho đối với chiếc xe ô tô trên để đảm bảo cho khoản vay. Sau khi ký hợp đồng cầm cố, T đưa tài khoản ngân hàng M1 số 1985779999999 của T và nói với anh T2 đây là tài khoản của em T4 là Lê Trung T và nói anh T2 chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng trên. Vì tin tưởng là số tài khoản của em trai Lê Khánh T4 nên anh T2 đã chuyển vào tài khoản M1 số 1985779999999 của Lê Trung T số tiền 300.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền thì T và anh T2 đi về. Đến ngày 08/4/2024, anh T2 yêu cầu T làm hợp đồng ủy quyền thì T dùng nhiều lý do để hứa hẹn và nói anh T2 cho vay thêm số tiền 20.000.000 đồng nên ngày 09/4/2024 anh T2 tiếp tục chuyển vào tài khoản M1 số 1985779999999 của Lê Trung T số tiền 20.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền vay của anh T2, T đã sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Sau đó anh T2 nhiều lần yêu cầu T đến thành phố P để làm hợp đồng ủy quyền theo thỏa thuận nhưng T không thực hiện. Sau đó anh Tình nghi N hình ảnh căn cước công dân T chụp gửi và Giấy đăng ký xe ô tô là

các tài liệu giả nên ngày 25/4/2024, anh T2 đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C trình báo vụ việc. Khoảng 14 giờ ngày 25/4/2024, vì biết anh T2 đã làm đơn tố cáo nên T đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận giám định số 478/KL-KTHS ngày 04/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh G kết luận: Phôi “CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ” số 60 033289, mẫu cần giám định (ký hiệu A) là giả.

Tại bản Cáo trạng số: 14/CT-VKS ngày 23 tháng 01 năm 2025, Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Chư Păh (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9), tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Lê Trung T về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9, tỉnh Gia Lai giữ nguyên quan điểm truy tố như bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên phạt bị cáo Lê Trung T từ 08 năm đến 09 tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên phạt bị cáo Lê Trung T từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật hình sự: Buộc bị cáo chấp hành hình phạt của hai tội từ 11 năm đến 13 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Lê Trung T không có tài sản, không có nghề nghiệp ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

- *Về vật chứng*: 01 xe ô tô biển kiểm soát 60K-056.50, màu sơn đen, nhãn hiệu Mazda, số loại CX-5, số khung RN2KW5726NM074006, số máy PE50283543. Đây là tài sản của ông Lê Khánh T4 đã thế chấp cho Ngân hàng TNHH MTV W, do đó đề nghị giao cho Ngân hàng TNHH MTV W quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

- Về dân sự:

+ Quá trình điều tra, truy tố anh Huỳnh Xuân T2 yêu cầu bị cáo Lê Trung T trả lại số tiền 320.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh T2 không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền này, do đó đề nghị ghi nhận sự tự nguyện này của anh T2.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Trung T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, thống nhất bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá

trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Lê Trung T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vì nợ nần nhiều, không có khả năng thanh toán nên bị cáo Lê Trung T biết xe ô tô biển kiểm soát 60K-056.50 đang thế chấp tại Ngân hàng, thấy giá thành thấp, có thể làm giấy tờ giả để đi cầm cố, thế chấp, nên bị cáo đã đồng ý mua. Bị cáo đã đặt làm giấy đăng ký xe ô tô giả và căn cước công dân giả rồi dùng giấy tờ giả để cầm cố, thế chấp chiếc xe ô tô biển kiểm soát 60K-056.50 cho anh Huỳnh Xuân T2 để chiếm đoạt số tiền 320.000.000 đồng của anh T2. Hành vi trên của Lê Trung T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9), tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến hoạt động của Cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực cấp Giấy đăng ký xe mô tô mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự công cộng tại địa phương. Do đó, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo Lê Trung T có 04 tiền án về các tội “*Trộm cắp tài sản*”, “*Cướp giật tài sản*”, “*Che giấu tội phạm*”, “*Đánh bạc*” chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm nguy hiểm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã ra “*đầu thú*”, quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo, về hành vi phạm tội của mình, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản gì, nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng:

- 01 xe ô tô biển kiểm soát 60K-056.50, màu sơn đen, nhãn hiệu Mazda, số loại CX-5, số khung RN2KW5726NM074006, số máy PE50283543. Chiếc xe này là tài sản của ông Lê Khánh T4 đã thế chấp cho Ngân hàng TNHH MTV W để đảm bảo cho toàn bộ khoản vay. Do đó, giao chiếc xe ô tô này cho Ngân hàng TNHH MTV W quản lý. Trong trường hợp ông Lê Khánh T4 trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng phải trả lại chiếc xe trên cho ông Lê Khánh T4, trường hợp ông Lê Khánh T4 không trả được nợ thì Ngân hàng W có quyền khởi kiện vụ án dân sự và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[6] Về dân sự: Quá trình điều tra, truy tố anh Huỳnh Xuân T2 yêu cầu bị cáo Lê Trung T phải trả lại số tiền 320.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh T2 không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 320.000.000 đồng. Do đó, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của anh T2 cho bị cáo số tiền này.

Công ty W2 yêu cầu trả lại chiếc xe ô tô biển kiểm soát 60K - 056.50 để đảm bảo thu hồi nợ.

[7] Về án phí: Bị cáo Lê Trung T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Đối với ông Lê Khánh T4: Hành vi đã thế chấp tài sản chiếc xe ô tô Mazda CX-5 biển kiểm soát 60K-056.50 cho công ty TNHH MTV W2 nhưng sau đó tiếp tục sử dụng chiếc xe trên để cầm cố tại tiệm cầm đồ Bảo A tại Quận T, TP . mà không có sự đồng ý của công ty TNHH MTV W2 của Lê Khánh T4 có dấu hiệu tội *“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”*. Xét thấy hành vi trên xảy ra trên địa bàn quận T, thành phố Hồ Chí Minh nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã thông báo, chuyển thông tin trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, thành phố Hồ Chí Minh để xử lý theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Trung T phạm tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”* và tội *“Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”*.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Trung T 09 (chín) năm tù về tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*.

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Trung T 03 (ba) năm tù về tội *“Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”*.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật hình sự: Buộc bị cáo Lê Trung T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án (được trừ các ngày tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 25/4/2024 đến ngày 01/8/2024).

Về dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự. Điều 5 của Bộ luật dân sự.

- Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Xuân T6, cho bị cáo số tiền 320.00.000 đồng, anh T6 không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền này.

Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự. Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 318; 319; 320; 323 của Bộ luật dân sự.

- Giao 01 xe ô tô biển kiểm soát 60K-056.50, màu sơn đen, nhãn hiệu Mazda, số loại CX-5, số khung RN2KW5726NM074006, số máy PE50283543 cho Ngân hàng TNHH MTV W quản lý. Trong trường hợp ông Lê Khánh T4 trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng phải trả lại chiếc xe trên cho ông Lê Khánh T4, trường hợp ông Lê Khánh T4 không trả được nợ thì Ngân hàng W có quyền khởi kiện vụ án dân sự và xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/02/2025 giữa Cơ quan CSĐT và Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Lê Trung T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản, án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND KV 9;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS KV 9;
- Bị cáo + người TGT;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hòa